

TRIẾT HỌC PHÁP LUẬT: ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

VÕ KHÁNH VINH *

Tóm tắt: *Triết học pháp luật đã hình thành trong lịch sử tư tưởng nhân loại từ thời cổ đại và phát triển cho đến hiện nay. Bài viết bước đầu nghiên cứu về đối tượng nghiên cứu, vị trí và các chức năng của triết học pháp luật. Qua đó, bài viết làm rõ các góc độ liên quan như: tính tất yếu của triết học pháp luật; bản chất và các đặc điểm của cách tiếp cận triết học về pháp luật; triết học pháp luật trong hệ thống triết học và luật học; cơ cấu của triết học pháp luật; những vấn đề cơ bản của triết học pháp luật; các chức năng của triết học pháp luật.*

Từ khóa: *Triết học; triết học pháp luật; bản thể luận pháp luật; nhận thức luận pháp luật; nhân học pháp luật.*

Ngày nhận bài: 15/7/2013; Ngày duyệt đăng bài: 15/8/2013.

Nhận thức triết học về pháp luật là nhiệm vụ của môn khoa học và môn học đặc biệt - triết học pháp luật. Môn khoa học và môn học này có đối tượng nghiên cứu và bộ máy khái niệm riêng của mình. Triết học pháp luật là khoa học có từ thời cổ đại, có lịch sử phát triển phong phú; nó đã được thể hiện trong các tác phẩm của Platon và Aristotel, và có sự phát triển vượt bậc ở Tây Âu vào các thế kỷ XVII - XVIII và tiếp tục phát triển trong hệ thống khoa học nhân văn của thời đại ngày nay. Ở nước ta, từ trước đến nay triết học pháp luật chưa được quan tâm nghiên cứu. Đây là sự chậm trễ cần được khắc phục. Chúng tôi cho rằng, các nhà luật học và các nhà triết học nước ta cần phải hợp lực nghiên cứu những vấn đề của triết học pháp luật. Bài viết này bước đầu tìm hiểu đối tượng nghiên cứu, vị trí và các chức năng của triết học pháp luật.

1. Đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật

Khái quát về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật

Trong lịch sử tư tưởng triết học pháp luật có nhiều cách tiếp cận đối với việc xác định triết học pháp luật và đối tượng nghiên cứu của nó. Chẳng hạn, G.Hêgen coi triết học pháp luật là khoa học về pháp luật có đối tượng nghiên cứu là “Ý niệm pháp luật”. Nhà triết học người Nga S.Frank cho rằng triết học pháp luật là học thuyết về lý tưởng xã hội.

Đối tượng nghiên cứu trong triết học pháp luật hiện nay được xác định khác nhau, từ cách hiểu rộng nhất cho đến cách hiểu hẹp nhất. Chẳng hạn, nhà triết học pháp luật người Nga, V. Nersesjanx đưa ra quan điểm theo nghĩa rộng về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật, theo ông, “triết học pháp luật nghiên cứu ý nghĩa, bản chất của pháp luật, khái niệm

(*) GS. TS. Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Giám đốc Học viện Khoa học xã hội, Tổng biên tập Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội.

pháp luật, nền tảng và vị trí của nó trong thế giới, giá trị và tầm quan trọng, vai trò của nó trong đời sống của con người, của xã hội và của Nhà nước, trong số phận của các dân tộc và xã hội của loài người”⁽¹⁾. Nhà triết học pháp luật người Ý N.Bobbio đưa ra quan điểm theo nghĩa hẹp về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật, theo ông công bằng được coi là vấn đề nghiên cứu duy nhất của triết học pháp luật, do vậy, nó là đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật⁽²⁾.

Sự hiện diện các cách tiếp cận đa dạng về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật là hợp lý, vì việc xác định đối tượng đó đòi hỏi phải làm sáng tỏ sự quan tâm của nhà nghiên cứu đến cả hai mặt triết học và pháp luật. Cũng có thể giả định rằng, sở dĩ có nhiều cách tiếp cận về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật, bởi vì có nhiều hệ thống triết học khác nhau, còn việc làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật không thể thiếu được việc xác định rõ ràng quan điểm của nhà nghiên cứu đối với chính hiện tượng pháp luật như hiện tượng riêng có và cần được nghiên cứu.

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi cho rằng cần phải xuất phát từ bản thân khái niệm về triết học. Triết học pháp luật là triết học chuyên ngành có đối tượng nghiên cứu không phải là toàn bộ thế giới, không phải cái đang tồn tại tự thân nó, mà chỉ là một phần trong toàn bộ cái tồn tại, đó là pháp luật. Tuy vậy, bởi triết học pháp luật là triết học, cho dù là triết học chuyên ngành, nó vẫn có tất cả những đặc trưng của triết học nói chung. Điều đó có nghĩa là đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật được hiểu tương tự như đối

tượng nghiên cứu của triết học.

Có thể xác định đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật bằng cách đặt ra những vấn đề sau đây: 1) Chúng ta có thể hiểu pháp luật là gì? 2) Chúng ta có thể làm gì để phù hợp với các yêu cầu của pháp luật và vì sao? 3) Chúng ta có thể tin tưởng vào cái gì trong trường hợp tuân thủ hoặc vi phạm các yêu cầu đó? Đến lượt mình, tất cả những vấn đề đó có thể dẫn đến một vấn đề khái quát: con người pháp luật là như thế nào hoặc pháp luật với tư cách là một phương thức tồn tại của nhân loại là gì? Câu trả lời cho những câu hỏi đó cho phép chúng ta làm sáng tỏ bản chất của hiện tượng pháp luật và đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật.

Tính tất yếu của triết học pháp luật

Mặc dù các nghiên cứu triết học pháp luật có lịch sử lâu đời và phong phú, và triết học pháp luật đã có những thành tựu hiển nhiên trong sự phát triển của luật học, nhưng tính tất yếu tồn tại của nó với tư cách là một lĩnh vực nhận thức lý luận độc lập chưa phải là sự kiện hiển nhiên đối với tất cả các nhà nghiên cứu.

Có nhiều luận giải về tính tất yếu của triết học pháp luật, trong đó cần nói đến hai luận giải quan trọng sau đây: luận giải về lịch sử và luận giải về tính cấp bách. Luận giải lịch sử về tính tất yếu của triết học pháp luật được dựa trên sự khẳng định rằng vấn đề đó bao giờ cũng làm cho xã hội loài người quan tâm trong suốt lịch sử tồn tại của mình. Nghiên cứu

⁽¹⁾ V. Nersesjanx B.C *Triết học pháp luật: Giáo trình dành cho các trường đại học*. M., 1988, tr.7.

⁽²⁾ Dmehture. S, *Về vai trò của triết học pháp luật trong nghiên cứu luật học ở Ý*. Tạp chí Nhà Nước và Pháp Luật. M1995, No1, tr. 138.

triết học pháp luật tất nhiên làm thỏa mãn một nhu cầu thường xuyên, không thể loại bỏ được của tinh thần nhân loại. Nhu cầu đó thể hiện ở sự quan tâm của con người về những cái gì là sự thật, là cần thiết có trong đời sống xã hội của nhân loại.

Đến lượt mình, luận giải về tính cấp bách của triết học pháp luật căn cứ trên việc làm sáng tỏ phương diện, khía cạnh của pháp luật mà việc nhận thức của chúng ta về phương diện, khía cạnh đó chỉ có thể đạt được với sự trợ giúp của cách tiếp cận triết học.

Phương diện nào của pháp luật, đặc điểm bản chất nào của nó tất yếu đòi hỏi phải có cách tiếp cận triết học pháp luật? Rõ ràng là điều đó được quy định bởi bản chất tiềm tàng, ẩn giấu của chính hiện tượng pháp luật. Pháp luật là một trong những khách thể phức tạp, khó khăn nhất của nhận thức và không tự mở ra những bí mật của mình cho nhà nghiên cứu. Sự tiến bộ không ngừng của luật học trong những thập kỷ gần đây trên phạm vi toàn thế giới, hàng trăm chuyên khảo đã được công bố và hàng trăm luận án tiến sĩ về những vấn đề của pháp luật đã được bảo vệ ở nước ta, việc từng bước nâng cao vai trò, vị trí của pháp luật, của giáo dục pháp luật và văn hóa pháp luật của nhân dân nói chung - tất cả những điều đó không làm giảm tính thời sự của vấn đề nghiên cứu đã được đặt ra. Ngược lại, chính ở vị trí của vấn đề pháp luật đã được các nhà nghiên cứu giải quyết lại làm xuất hiện những vấn đề mới, và việc mong muốn vươn tới những được đỉnh cao trong khoa học pháp lý sẽ lại mở ra trong khoa học những triển vọng chưa từng được biết dưới

dạng những câu hỏi, những vấn đề, những bí mật dường như vô tận. Sự hiểu biết khoa học ngày một sâu sắc hơn về hiện tượng pháp luật có thể được hiểu là lĩnh vực mở rộng một cách vô tận về quy mô của mình: khối lượng hiểu biết lĩnh vực đó càng lớn hơn, điều đó cũng có nghĩa là ở bề mặt của nó có nhiều điểm liên quan đến cái chưa được nhận thức. Tương ứng với điều đó có nghịch lý của nhận thức là: chúng ta càng hiểu biết nhiều về pháp luật, thì càng có nhiều điều bí ẩn xuất hiện trước các nhà nghiên cứu. Như vậy, lĩnh vực nghiên cứu triết học pháp luật nằm ở giao điểm của những điều bí ẩn đó và nhiệm vụ của triết học pháp luật là làm sáng tỏ những điều đó.

Các nguồn gốc của tính tiềm tàng, tính ẩn náu của pháp luật được thể hiện ở đâu? Đặc trưng đó của pháp luật xuất phát từ mối liên hệ trực tiếp của nó với sự tồn tại của con người, với bản chất, hoạt động của nó và hàm chứa trong mình các đặc điểm của mọi hiện tượng văn hóa. Như mọi người đã biết, con người là khách thể nghiên cứu bí ẩn nhất. Nhưng chỉ chính con người mới có thể nhận thức được khách thể đó chứ không ai khác.

Tương tự, chúng ta cần phân biệt thực thể tự nhiên và thực thể tinh thần trong con người, tìm kiếm hình thức vật chất và bản chất tư tưởng, tinh thần trong tất cả các hiện tượng văn hóa. Trong pháp luật, chúng ta cũng tìm thấy mặt vật chất và mặt tinh thần và đằng sau mặt vật chất và mặt tinh thần đó, xét về mặt lịch sử, các tên gọi “pháp luật thực chứng” và “pháp luật tự nhiên” được ghi nhận. Sử dụng những cụm từ đó có thể là chưa hoàn toàn chính xác, nhưng chúng đã được hình

thành và ghi nhận về mặt lịch sử, phản ánh cơ cấu của hiện tượng đó.

Cái gì trong triết học pháp luật được hiểu là pháp luật thực chứng và cái gì được hiểu là pháp luật tự nhiên?

Pháp luật thực chứng được hiểu là hệ thống các quy phạm pháp luật hiện hành, các quan hệ và các quyết định xét xử. Còn pháp luật tự nhiên, thông thường được hiểu là những nền tảng, cơ sở tư tưởng đầu tiên của pháp luật. Khái niệm “pháp luật tự nhiên” thể hiện bản chất sâu sắc của pháp luật, còn “tính tư tưởng” của nó được thể hiện ở chỗ pháp luật tự nhiên, *thứ nhất*, tồn tại trong ý thức (ý thức pháp luật) với tư cách là mục đích của nó (cho dù được thể hiện dưới những hình thức hành vi); *thứ hai*, thể hiện với tư cách là tư tưởng, tức là hình thức đã được loại bỏ cái ngẫu nhiên của cái cần phải có (tất nhiên) trong quan hệ giữa mọi người.

Ngoài ra, pháp luật tự nhiên còn quy định các nguyên tắc xuất phát điểm mà dựa vào đó các quy phạm pháp luật hiện hành được ban hành (trong mọi trường hợp cần phải được thông qua) và trên cơ sở đó, việc đánh giá các quy phạm đó được tiến hành. Việc đánh giá như vậy được tiến hành dựa trên cơ sở thứ bậc các giá trị mà triết học pháp luật đưa ra trong quá trình giải quyết mối quan hệ của con người với thế giới xung quanh, trong đó có quan hệ giá trị. Việc đánh giá mang tính chất phê phán thể hiện thái độ của con người đối với các quy phạm pháp luật là rất cần thiết đối với trật tự pháp luật hiện hành để con người không trở thành nạn nhân của nó. Đương nhiên, thái độ phê phán của cá nhân đối với trật tự pháp luật hiện hành không đồng nghĩa với thái độ

coi thường đó và càng không cho phép vi phạm pháp luật.

Từ đây có thể rút ra kết luận rằng, với tư cách là một lĩnh vực hoạt động của con người, pháp luật gắn liền với triết học. Những vấn đề mang tính nền tảng của pháp luật, như công bằng, tự do, bình đẳng, lỗi, trách nhiệm và những vấn đề khác, đồng thời cũng là những vấn đề triết học quan trọng nhất và việc giải quyết chúng có nguồn gốc sâu xa từ việc giải quyết những vấn đề triết học căn bản về bản chất của con người và ý nghĩa cuộc sống của nó, về cơ cấu nhân chủng của thế giới và các phương thức nhận thức về thế giới. Như vậy, theo tinh thần đó, pháp luật cũng là triết học, đó là “triết học trong thực hành”, và tương ứng với điều đó đòi hỏi phải có “triết học lý thuyết”.

Ý nghĩa của triết học pháp luật đối với việc đào tạo các nhà luật học tương lai

Khả năng nhận thức tư tưởng nhân văn cao cả nhất trong hoạt động của mình, khả năng luận giải về mặt triết học quan điểm lý luận và quyết định thực tiễn được thông qua của mình là dấu hiệu thể hiện tính nghề nghiệp chuyên môn cao và tính trung thực công dân của nhà luật học. Sự luận giải như vậy, đặc biệt trong việc đưa ra các quyết định thực tiễn, không phải bao giờ cũng được nhận thức đầy đủ, tuy vậy sự luận giải đó được quyết định ở một mức độ đáng kể bởi các mục đích, định hướng thế giới quan của các nhà luật học và triết học pháp luật có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành thế giới quan đó. Mọi dự định giải quyết các vấn đề lý luận nền tảng của luật học thiếu sự luận giải về triết học thường dẫn đến việc làm tương đối hóa hoặc giáo điều hóa những vấn đề

đó. Những ai có ý định bỏ qua việc luận giải về mặt triết học vai trò, chức năng của pháp luật, của hệ thống pháp luật, thì trong hiện thực vẫn phải tuân thủ một cách vô thức triết học sơ lược, riêng của mình và qua đó có nguy cơ bị sa vào những mâu thuẫn pháp luật rối rắm.

Như vậy, việc các sinh viên ngành luật cần nghiên cứu triết học pháp luật được quyết định, trước hết ở các nhu cầu nghề nghiệp trong tương lai của họ. Việc nghiên cứu triết học pháp luật góp phần đáng kể vào việc hình thành nền tảng vững chắc cho quá trình đào tạo các nhà luật học tương lai, phát triển họ với tư cách là những công dân có tư duy độc lập, sáng tạo, đầy trách nhiệm về chính trị. Do vậy, triết học pháp luật, không chỉ là một bộ phận trong chương trình đào tạo các nhà luật học, mà sự tồn tại, phát triển và giảng dạy nó gắn liền với nhiệm vụ quan trọng hơn là đào tạo nhà luật học với tư cách là người công dân và người công dân với tư cách là người phê phán pháp luật.

Quan điểm nói trên giải thích đầy đủ, rõ ràng vị trí và ý nghĩa mang tính nền tảng của triết học pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý và các khoa học xã hội khác và trong hệ thống các môn học có đối tượng nghiên cứu là pháp luật và Nhà nước. Quan điểm đó cũng lý giải vì sao ở các trường đại học ở các nước phát triển, môn học triết học pháp luật đã được giảng dạy nhiều thế kỷ qua.

Mặc dù triết học pháp luật không đặt ra cho mình mục đích giải quyết những vấn đề cụ thể của luật học mà chỉ giúp người nghiên cứu - nhà luật học nhận thức rõ ràng nhất quan điểm của chính mình, trật tự hóa sự hiểu biết, có cái nhìn mới về

đối tượng nghiên cứu của mình dưới lăng kính của cách tiếp cận rộng hơn, như vậy, tất cả những vấn đề trung tâm, nền tảng của luật học được giải quyết hoặc ít nhất chúng được luận giải ở tầm triết học. Chính ở đó thể hiện một trong “những điều bí ẩn” của hiện tượng pháp luật, và chính điều này xác định vai trò nền tảng của triết học pháp luật trong hệ thống luật học với tư cách là môn học mang tính chất phương pháp luận chung.

Tuy vậy, điều đó cũng không có nghĩa là kêu gọi các nhà luật học từ bỏ các phương pháp nghiên cứu đặc thù của luật học và thay thế chúng bằng các phương pháp triết học. Cần phải nhận thức một cách sâu sắc mục đích và các khả năng của các phương pháp triết học.

Không nên lo lắng về sự mở rộng một cách tương đối lĩnh vực tư duy triết học về pháp luật, bởi lẽ sự lo lắng đó có thể được khắc phục bằng việc ghi nhận những sự quan tâm của triết học pháp luật, làm chính xác đối tượng và phương pháp nghiên cứu của nó, xác định vị trí của nó trong hệ thống các khoa học triết học và các khoa học pháp lý. Ở đây cần xác định lĩnh vực, đối tượng và vị trí của triết học pháp luật bằng cách so sánh nó với lý luận pháp luật - môn học có những quan tâm gần gũi nhất với triết học pháp luật.

Bản chất và các đặc điểm của cách tiếp cận triết học về pháp luật

Để làm sáng tỏ đặc trưng của triết học pháp luật với tư cách là môn học lý luận đặc biệt, cần phải làm sáng tỏ bản chất và các đặc điểm của cách tiếp cận triết học về pháp luật.

Khi xác định đối tượng nghiên cứu của mình, mọi khoa học thường bỏ sang một

bên vấn đề về vị trí của đối tượng nghiên cứu của khoa học đó trong bức tranh chung của thế giới và về quan hệ của nó với bản chất của con người. Các khoa học cụ thể, về nguyên tắc, không thể “hiểu sâu sắc” những luận điểm nền tảng, cơ bản của mình, ở ngoài “điểm xuất phát” của mình, và đó là hạn chế của chúng.

Đề cập đến triết học thì lĩnh vực quan tâm của nó được bắt đầu ở nơi kết thúc sự quan tâm của các khoa học cụ thể. Triết học luận giải những luận điểm cơ bản, nền tảng của các khoa học cụ thể, làm sáng tỏ ý nghĩa của chúng. Ví dụ, tiền đề, điểm xuất phát của luật học với tư cách khoa học cụ thể là giả định rằng pháp luật là sản phẩm ý chí của chủ thể quyền lực nhà nước, đến lượt mình cái đó lại quyết định đòi hỏi xuất phát của chủ thể đó đối với việc thực hiện các quy phạm pháp luật. Luận điểm đó không phải cái gì khác như là sự thể hiện bản chất của pháp luật thực chứng. Nhưng chúng ta có thể nhận thức được ý nghĩa hiện thực của các hiện tượng pháp lý chỉ khi vượt qua giới hạn của tiền đề đó, tức là cố gắng phát hiện ra các cơ sở của nó bằng chính bản thân mình.

Do đó, có thể coi đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật là những nền tảng tối đa không mang tính pháp lý của pháp luật. Những nền tảng đó đã được làm sáng tỏ là những nền tảng nhận thức, giá trị, xã hội và nhân học. Còn lý luận pháp luật chủ yếu là lý luận về pháp luật hiện hành. Chính trong lĩnh vực lý luận pháp luật, “các khái niệm pháp luật chung” được phát triển - những khái niệm được tổng kết, khái quát từ kinh nghiệm hoạt động của các ngành pháp luật cụ thể. Các khái niệm như: “đạo luật”, “quan hệ pháp luật”,

“chủ thể pháp luật”, “nghĩa vụ pháp lý”, “quyền chủ thể”, “hợp đồng”, “trách nhiệm” và các khái niệm khác là kho tàng khái niệm của lý luận pháp luật. Các khái niệm đó là những cấu trúc của pháp luật thực chứng, là “bộ khung khái niệm” của nó. Nhờ có các khái niệm đó mà “sự hình thành” và “việc trật tự hóa” hệ thống quy phạm và bộ máy khái niệm của luật học nói chung được thực hiện. Dù trong phân tích của mình về các nền tảng của pháp luật, triết học pháp luật có thể sử dụng các khái niệm của khoa học thực chứng về pháp luật, nhưng nó có cả các phạm trù riêng của mình như: “tư tưởng của pháp luật”, “ý nghĩa của pháp luật”, “mục đích của pháp luật”, “công bằng”, “tự do”, “bình đẳng”, “sự thừa nhận”, “sự tự trị của cá nhân”, “quyền con người” và các phạm trù khác.

Pháp luật thực chứng tự mình không phải là đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật. Triết học pháp luật quan tâm đến pháp luật thực chứng chỉ trong mối quan hệ với pháp luật tự nhiên, từ quan điểm của pháp luật tự nhiên mà pháp luật hiện hành được đánh giá. Trong trường hợp này, khi đánh giá pháp luật thực chứng, pháp luật tự nhiên dường như đóng vai trò “pháp luật trong pháp luật”. Nhờ có mối quan hệ và đánh giá như vậy pháp luật thực chứng được hợp thức hóa (được luật hóa) và đồng thời bị hạn chế trong các đòi hỏi của mình. Nói chung, có thể đồng ý với quan điểm cho rằng đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật có mối quan hệ với khái niệm “pháp luật thực chứng”, tuy vậy cần phải khẳng định tính có điều kiện của sự phân định ranh giới đó. Khẳng định chính xác hơn sẽ là

triết học pháp luật nghiên cứu “thế giới pháp luật” (“hiện thực pháp luật” với tư cách là sự tương tự triết học của khái niệm “hệ thống pháp luật”) trong tính chỉnh thể và tính toàn thể của nó, nội dung ý nghĩa của nó. Ở đây, hiện thực pháp luật được hiểu là tổng thể các hiện tượng pháp luật: các quy phạm, các chế định pháp luật, các quan hệ pháp luật đang tồn tại, các quan niệm pháp luật, các hiện tượng mang tính chất pháp luật và những vấn đề khác.

Ý nghĩa triết học và ý nghĩa nhận thức khoa học của pháp luật: sự khác nhau của đối tượng và của phương pháp

Đặc trưng của triết học pháp luật với tư cách là một môn khoa học độc lập được thể hiện ở sự khác nhau giữa ý nghĩa triết học của pháp luật và ý nghĩa nhận thức khoa học của nó.

Sự khác nhau về phương pháp thể hiện chính ở lĩnh vực khác biệt về ý nghĩa và chức năng của các khái niệm “giải thích” và “nhận thức”. Mọi khoa học cụ thể, trong đó có luật học, đều coi các đối tượng nghiên cứu của mình là khách thể ở ngoài chủ thể nhận thức và tương tự như vậy đối lập với đối tượng nghiên cứu. Trong khi đó, khách thể đang được nhận thức trong trường hợp này được coi là sự thật như nó đang tồn tại trong hiện thực. Mong muốn có được sự nhận thức, sự hiểu biết ý nghĩa sâu sắc của các giá trị và tư tưởng cần phải có, triết học phát hiện ra thế giới cần phải có. Thế giới của các giá trị và ý nghĩa đã được hoàn thiện đó đem đến cho con người động lực cải biến tồn tại, bởi lẽ cái đó cần phải như vậy, được con người tiếp nhận với tư cách là cái có ý nghĩa trong mối quan hệ với cái đang tồn tại trong

hiện thực. Do vậy, khi nghiên cứu các tính quy luật của sự hình thành và phát triển của pháp luật hiện hành, luật học mô tả pháp luật như *cái nó đang có*, còn triết học pháp luật mô tả pháp luật như *cái nó cần phải có*. Trên cơ sở của quy phạm pháp luật lý tưởng đó, triết học pháp luật đưa ra đánh giá về hiện tượng pháp luật đang tồn tại.

Thực ra triết học pháp luật không chỉ đơn giản mong muốn luận giải hiện thực pháp luật, mà còn nhận thức nó. Chúng ta cần hiểu rằng trong kinh nghiệm pháp lý, hình thức logic, lợi ích kinh tế và các quan điểm giá trị đạo đức cùng tồn tại với nhau; chúng gắn chặt với nhau đến nỗi không thể đưa ra được vấn đề về mối quan hệ lẫn nhau giữa chúng và điều đó càng chứng minh cái chung cần phải có và tất yếu phải có. Điều đó cho thấy rằng, chỉ có bằng tri thức triết học chân chính mới có thể đạt được mục đích nhận thức về các quan hệ đời sống xã hội.

Sự phản ánh triết học pháp luật

Nếu như có thể thể hiện một cách ngắn gọn lĩnh vực thuộc đối tượng nghiên cứu của triết học bằng thuật ngữ “các nền tảng”, thì cũng có thể thể hiện một cách ngắn gọn lĩnh vực thuộc phương pháp nghiên cứu của triết học pháp luật bằng thuật ngữ “phản ánh” hoặc “phê phán”. Trong lĩnh vực khoa học hiện nay, sự phản ánh được hiểu là việc phân tích các tư tưởng (ý niệm, tư duy) và các xúc cảm, suy nghĩ còn những sự hoài nghi và dao động. Các khoa học cụ thể, trong đó có cả luật học, theo phương pháp của mình là giáo điều, tức là không nghiên cứu mang tính kiểm tra phê phán các nền tảng của mình, còn theo bản chất của mình, triết học là

khoa học phê phán; nó thường xuyên đánh giá các cơ sở, nền tảng của mình. Sự đánh giá như vậy được hiểu là sự phản ánh triết học. Nhận thức triết học không bao giờ luận giải đơn giản về khách thể, nhưng khi suy xét về bất kỳ khách thể nào, thì nhận thức triết học cũng luận giải về mặt tư tưởng riêng của mình về khách thể đó. Do đó, triết học có thể được gọi là tư tưởng (tư duy) của trật tự thứ hai - tư tưởng (tư duy) về tư tưởng (tư duy).

Phản ánh là yếu tố bắt buộc của nhận thức triết học. Hơn nữa, chính tính chất tự phản ánh của triết học pháp luật quyết định rằng, vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của nó là một trong những vấn đề trọng tâm của môn học đó. Sự phản ánh các cơ sở, nền tảng của pháp luật và của Nhà nước là sự phân tích mang tính chất phê phán “tính hợp pháp hóa và sự hạn chế của cộng đồng chính trị”. Mặt thứ hai của sự phản ánh triết học pháp luật với tư cách sự phân tích phê phán các nền tảng của mình là việc thảo luận hoặc tranh luận. Do đó, có thể gọi sự phản ánh và tranh luận là những đặc điểm quan trọng nhất của phương pháp triết học hiện nay và của triết học pháp luật.

Phân tích trên cho phép chúng ta đưa ra định nghĩa về triết học pháp luật. *Triết học pháp luật là học thuyết triết học về pháp luật, giải quyết (luận giải) những vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực pháp luật bằng phương pháp của triết học. Đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật, trước hết là nhận thức ý nghĩa của pháp luật, cũng như lập luận sự nhận thức ý nghĩa đó.* Định nghĩa này không bao quát hết tất cả tính đa dạng của những vấn đề được triết học pháp luật nghiên cứu, nhưng cho

phép tập trung đến tư tưởng cốt lõi của nó, tư tưởng gắn liền với quan niệm về pháp luật với tư cách là phương thức tồn tại của nhân loại (con người).

Định nghĩa về đối tượng nghiên cứu của triết học pháp luật cho phép làm sáng tỏ vị trí của nó trong hệ thống các khoa học khác, cũng như những vấn đề và chức năng cơ bản của nó.

2. Triết học pháp luật trong hệ thống triết học và luật học

Theo địa vị của mình, triết học pháp luật là môn học tổng hợp và giáp ranh giữa triết học và luật học. Thực tế này đòi hỏi phải xác định rõ vị trí và vai trò của triết học pháp luật trong hệ thống triết học và luật học.

Có thể đưa ra lời giải cho những vấn đề của triết học pháp luật từ hai mặt, hai cách tiếp cận: từ triết học đến pháp luật và từ pháp luật đến triết học.

Chúng ta xem xét các đặc điểm của hai cách tiếp cận đó đến triết học pháp luật.

Cách tiếp cận thứ nhất (cách tiếp cận từ triết học đến pháp luật) gắn liền với việc áp dụng quan điểm triết học này hay quan điểm triết học khác vào lĩnh vực pháp luật. Cách tiếp cận như vậy của triết học về sự hiểu biết hiện thực pháp luật, đặc biệt đặc trưng trong thời kỳ Phục hưng và rất hữu ích đối với chính triết học. Như chúng ta đã biết, trong số các thành tựu đã đạt được của triết học cổ điển có nhiều thành tựu là kết quả của cách tiếp cận đó. Sức mạnh nhận thức của quan điểm triết học này hay quan điểm triết học khác, tính có căn cứ thực tiễn của nó ở một trong những lĩnh vực quan trọng nhất của nhân loại được kiểm chứng một cách đặc thù trong lĩnh vực

triết học pháp luật. Điều đó là cơ sở đầy đủ để kết luận rằng nếu thiếu sự phản ánh các nền tảng, cơ sở của pháp luật, ý nghĩa triết học của hiện thực pháp luật nói chung thì hệ thống triết học pháp luật sẽ không có giá trị.

Cách tiếp cận khác của sự hình thành triết học pháp luật (cách tiếp cận từ pháp luật đến triết học) đi từ việc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn của luật học đến việc phản ánh chúng về mặt triết học. Ví dụ, từ ý nghĩa của những vấn đề pháp lý cụ thể như: cơ sở của trách nhiệm hình sự, lỗi và trách nhiệm, việc thực hiện các hợp đồng, các cam kết và những vấn đề khác, có thể đặt ra vấn đề nhận thức về bản chất của pháp luật. Ở đây triết học pháp luật được hiểu như một hướng độc lập trong luật học, như một trình độ nghiên cứu đặc trưng riêng về pháp luật. ý nghĩa triết học như vậy của pháp luật được các nhà luật học nhận thức trong định hướng thực tiễn rộng lớn của nó, trong đó các nền tảng tư tưởng quan trọng của pháp luật được xem xét trong mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật thực chứng. Đương nhiên, cả ở cách tiếp cận thứ nhất, lẫn ở cách tiếp cận thứ hai, triết học pháp luật đều có định hướng làm sáng tỏ bản chất và ý nghĩa của pháp luật, các nền tảng và nguyên tắc được thể hiện trong pháp luật.

Vấn đề về vị trí môn học triết học pháp luật

Do có hai cách hình thành triết học pháp luật, do vậy cũng có hai cách tiếp cận đến việc nhận thức vị trí của môn học này.

Cách tiếp cận thứ nhất coi triết học pháp luật là một bộ phận của triết học nói chung và xác định vị trí của nó cùng

với các môn học như: triết học đạo đức, triết học tôn giáo, triết học chính trị và các ngành triết học khác. Tương ứng với cách tiếp cận đó, triết học pháp luật là một bộ phận của triết học nói chung, bộ phận đó “án định” cho con người cách xử sự cần thiết với tư cách là thực thể xã hội, tức là triết học thực tiễn, học thuyết về cái tất định.

Cách tiếp cận thứ hai coi triết học pháp luật là một ngành của khoa học pháp lý. Theo quan điểm này, triết học pháp luật là nền tảng lý luận cho việc hình thành pháp luật thực chứng và khoa học về pháp luật thực chứng. Ở đây triết học pháp luật được hiểu là khoa học luận giải ý nghĩa của các nguyên tắc của pháp luật và tư tưởng của các quy phạm pháp luật ở “bậc cuối cùng”.

Mỗi cách tiếp cận nói trên nhấn mạnh đến một trong hai phương thức có khả năng phản ánh về pháp luật. Phương thức thứ nhất đòi hỏi phải có sự phản ánh triết học chung hoặc phương pháp luận chung nhằm tìm hiểu những nền tảng tối đa, các điều kiện tồn tại của pháp luật, khi đó pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ với các yếu tố cơ bản của sự tồn tại của nhân loại - văn hóa, xã hội, khoa học v.v... Phương thức thứ hai là sự phản ánh triết học chuyên ngành hoặc phương pháp luận chuyên ngành, đó cũng là sự phản ánh triết học, nhưng nó được thực hiện trong phạm vi của chính khoa học pháp lý.

Tính song trùng như vậy của triết học pháp luật cũng được thể hiện ở chỗ, tại một số nước trên thế giới, nội dung của triết học pháp luật cũng có cả trong các khoa học triết học lẫn trong các khoa học pháp lý. Do vậy, cả nhà triết học lẫn nhà

luật học đều có thể nghiên cứu triết học pháp luật. Và, nói chính xác hơn, không phải nhà triết học đơn thuần mà là nhà triết học - nhà luật học, tức là nhà triết học đã được định hướng về mặt thực tiễn không chỉ đơn giản quan tâm đến chân lý tự nó mà còn quan tâm đến việc thực hiện các mục đích thực tiễn nhất định trong lĩnh vực pháp luật, nếu như nhà luật học - nhà triết học cần phải biết những vấn đề thực tiễn của khoa học mình và có cái nhìn ngoài pháp luật về nó, tức là có cái nhìn của nhà triết học. Triết học pháp luật không khước từ việc nhận thức những vấn đề thuần túy mang tính chất pháp lý, nhưng cần phải vượt ra khỏi giới hạn của lĩnh vực đó, gắn các hiện tượng pháp luật với việc giải quyết những vấn đề chung hơn và mang tính nguyên tắc của triết học.

Từ những phân tích trên dẫn đến có quan niệm cho rằng có hai loại triết học pháp luật: *một là*, triết học pháp luật do các nhà triết học nghiên cứu; *hai là*, triết học pháp luật do các nhà luật học nghiên cứu. Tương ứng với giả định đó, một số nhà nghiên cứu đề nghị phân biệt triết học pháp luật ở nghĩa rộng và triết học pháp luật ở nghĩa hẹp⁽³⁾. Tuy nhiên, về bản chất, chỉ tồn tại một triết học pháp luật, cho dù nó được nuôi dưỡng và hình thành từ hai nguồn khác nhau. Nguồn thứ nhất của triết học pháp luật là những nghiên cứu mang tính triết học chung về những vấn đề pháp luật. Nguồn thứ hai của nó gắn liền với kinh nghiệm giải quyết những vấn đề của pháp luật. Như vậy, triết học pháp luật là môn khoa học và môn học duy nhất có vấn đề nghiên cứu cơ bản của mình và chỉ đặt trong mối quan hệ với vấn đề cơ

bản đó thì những vấn đề này hay vấn đề khác mới có quan hệ với triết học pháp luật. Triết học pháp luật đòi hỏi nhà nghiên cứu nó đó phải có những phẩm chất đặc biệt: có khả năng kết hợp những hiểu biết triết học mang tính nền tảng và sự hiểu biết những vấn đề lý luận cơ bản của lý luận và thực tiễn pháp luật.

Đương nhiên, mỗi nhà nghiên cứu cùng với những sở thích nghề nghiệp nhất định có những đóng góp nào đó cho sự phát triển của môn học này, tuy nhiên, do còn những quan điểm khác nhau nên việc thường xuyên trao đổi lẫn nhau, sự làm phong phú lẫn nhau và bổ sung cho nhau của chúng cho phép giữ được sự cân bằng xung quanh nhiệm vụ chung của triết học pháp luật - phản ánh những nền tảng của pháp luật.

Để xác định một cách cụ thể hơn vị trí của triết học pháp luật, cần phải xem xét một cách hợp lý các cách tiếp cận của những người đại diện cho các khuynh hướng triết học khác nhau đến vấn đề đó.

Trong hệ thống triết học của Hêghen, triết học pháp luật không đơn giản chỉ là một bộ phận của một trong những phần mang tính nền tảng của triết học mà bao quát toàn bộ những vấn đề triết học xã hội. Trong các hệ thống triết học khác, ví dụ, trong triết học của S. Frank, triết học pháp luật là một phần của triết học xã hội có tên gọi là đạo đức học xã hội.

Triết học phân tích (thực chứng) coi triết học pháp luật là một bộ phận hợp thành của triết học chính trị, không coi nó là một môn học độc lập. Trong triết học

⁽³⁾ Ken. Garnick A. V. *Vấn đề về vị trí môn học của triết học pháp luật / Triết học và xã hội học trong bối cảnh văn hóa hiện nay*. Dnepropetrovsk, 1988, tr. 186.

phương Tây hiện nay, những vấn đề của triết học pháp luật, thông thường được xem xét trong phạm vi của nhân học triết học. Ngay cả triết học xã hội và triết học đạo đức, mà ở đó những vấn đề của triết học pháp luật được xem xét trong mối quan hệ với chúng, cũng bị biến đổi một cách đáng kể dưới sự ảnh hưởng của các khuynh hướng triết học như: hiện tượng học, thần bí học, nhân học triết học, phân tâm học v.v...

Do vậy, rất khó chỉ ra một phần (bộ phận) triết học thuần túy nào đó, trong đó có một bộ phận hợp thành là triết học pháp luật. Nhưng rõ ràng triết học pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ nhất với triết học xã hội, triết học chính trị, triết học đạo đức và nhân học triết học. Từng triết học đó đều nhấn mạnh đến một trong những nhân tố của sự hình thành và nghiên cứu về pháp luật: nhân tố xã hội, nhân tố giá trị - đạo đức, nhân tố chính trị, nhân tố con người. Chẳng hạn, triết học chính trị xem xét vấn đề quyền lực là gì và quyền lực và pháp luật có mối quan hệ như thế nào? Triết học xã hội nghiên cứu vấn đề: xã hội là gì và xã hội và pháp luật có mối quan hệ như thế nào? Triết học đạo đức luận giải vấn đề: đạo đức là gì và đạo đức và pháp luật có mối quan hệ như thế nào? Nhân học triết học lý giải vấn đề: con người là gì và con người và pháp luật có mối quan hệ như thế nào? Còn triết học pháp luật đặt ra vấn đề chung: pháp luật là gì và ý nghĩa của nó được thể hiện ở đâu? Do vậy, triết học pháp luật quan tâm nghiên cứu những vấn đề và việc pháp luật có mối quan hệ như thế nào với những hiện tượng như: quyền lực, xã hội, đạo đức và con người.

Cơ cấu của triết học pháp luật

Theo cơ cấu của mình, triết học pháp luật gần với cơ cấu của triết học nói chung. Triết học pháp luật có thể có những nội dung cơ bản sau đây:

1. Bản thể luận pháp luật - nghiên cứu những vấn đề về bản chất của pháp luật và những nền tảng, cơ sở của nó, về sự tồn tại của pháp luật và các hình thức tồn tại của nó, về mối liên hệ của pháp luật với tồn tại xã hội và vị trí của pháp luật trong xã hội;

2. Nhân học pháp luật - nghiên cứu những nền tảng, cơ sở nhân học của pháp luật, khái niệm “con người pháp luật”, quyền con người với tư cách là sự thể hiện giá trị cá nhân của pháp luật, cũng như vấn đề về vị trí của chế định quyền con người trong xã hội hiện nay, quyền con người trong xã hội cụ thể, mối tương quan của cá nhân và pháp luật v.v...;

3. Nhận thức luận pháp luật - nghiên cứu những đặc điểm của quá trình nhận thức trong lĩnh vực pháp luật, những giai đoạn cơ bản, những trình độ và phương pháp nhận thức trong pháp luật, cũng như thực tiễn pháp luật với tư cách là tiêu chuẩn của chân lý pháp luật;

4. Giá trị học pháp luật - nghiên cứu giá trị với tư cách là đặc điểm quyết định sự tồn tại của xã hội loài người, phương thức tồn tại của các giá trị, phân tích những giá trị pháp luật cơ bản (công bằng, tự do, bình đẳng, quyền con người v.v...), “thứ bậc” và các phương thức thực hiện chúng trong hiện thực pháp luật hiện nay. Giá trị học pháp luật cũng quan tâm đến những vấn đề về mối tương quan của pháp luật với các hình thái ý thức xã hội có giá trị khác như: đạo đức, chính trị,

tôn giáo, tư tưởng pháp luật và thế giới quan pháp luật;

5. Trong cơ cấu của triết học pháp luật có thể có cả phần ứng dụng, ở đó nghiên cứu những vấn đề triết học của luật hiến pháp (Nhà nước pháp quyền, phân công quyền lực, tư pháp hiến pháp), của luật dân sự (hợp đồng, sở hữu), của luật hình sự (tội phạm, lỗi, trách nhiệm, hình phạt), của luật tố tụng hình sự và của các ngành pháp luật khác.

Mối tương quan của triết học pháp luật, lý luận chung về pháp luật và xã hội học pháp luật

Trong phạm vi của luật học, triết học pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ nhất với lý luận chung về pháp luật và xã hội học pháp luật. Ba môn học này tạo thành tổng thể các môn học mang tính lý luận chung và phương pháp luận pháp luật và sự hiện có của chúng gắn liền với sự tồn tại của ít nhất ba phương diện trong chính pháp luật: phương diện đánh giá - giá trị; phương diện giáo điều - hình thức và phương diện tính quyết định xã hội. Triết học pháp luật tập trung nghiên cứu sự phản ánh các nền tảng, cơ sở của pháp luật, lý luận chung về pháp luật, tập trung nghiên cứu bộ máy khái niệm của pháp luật thực chứng, xã hội học pháp luật tập trung nghiên cứu những vấn đề về tính quy định xã hội và hiệu quả xã hội của các quy phạm pháp luật và của hệ thống pháp luật nói chung.

Từ điều nói trên nảy sinh vấn đề: những môn học đó là độc lập hay tạo thành những phần của lý luận chung về pháp luật? Có thể giả định rằng, ở nghĩa nhất định, thuật ngữ “lý luận về pháp

luật” có thể bao quát tất cả ba môn học, bởi vì chúng đề cập đến những phương diện lý luận chung của pháp luật: triết học, xã hội học và pháp lý. Nhưng ở nghĩa khoa học chặt chẽ, thuật ngữ đó chỉ được áp dụng đối với khoa học pháp lý. Dự định hợp nhất ba định hướng nghiên cứu - đào tạo nói trên vào trong phạm vi của một môn học: lý luận chung về pháp luật là không thể luận giải được về mặt khoa học và việc tiến hành giảng dạy môn học đó trong thực tiễn có thể đem đến những kết quả tiêu cực. Lý luận pháp luật, triết học pháp luật và xã hội học pháp luật hoàn toàn có khả năng làm phong phú và bổ sung cho nhau với tư cách là những môn học độc lập. Sự kết hợp tiềm năng lý luận của chúng với mục đích bảo đảm tính toàn vẹn, chỉnh thể của hệ thống, hiểu biết về pháp luật cần phải được thực hiện không phải bằng cách xây dựng một khoa học pháp lý duy nhất bao gồm ba quan điểm phương pháp luận khác nhau của nhà luật học, của nhà triết học và của nhà xã hội học, mà bằng cách trang bị những kiến thức nền tảng, cơ bản để các nhà luật học có khả năng không chỉ hiểu biết sâu sắc chuyên ngành của mình mà còn phải nhìn nhận chuyên ngành của mình từ quan điểm triết học và xã hội học.

Những vấn đề cơ bản của triết học pháp luật

Dựa trên việc phân tích bản chất và nhiệm vụ của triết học pháp luật, chúng tôi cho rằng, vấn đề cơ bản: “pháp luật là gì?” sẽ được coi là vấn đề về ý nghĩa của pháp luật. Bởi vì, triết học pháp luật không chỉ đơn giản là tuyên bố các tư tưởng nào đó là triết học pháp luật, mà

phải lập luận chúng, và nhiệm vụ cơ bản của triết học pháp luật cần phải luận giải pháp luật và xác định ý nghĩa của nó. Vấn đề “pháp luật là gì (ý nghĩa của nó như thế nào)? là vấn đề cơ bản của triết học pháp luật, bởi vì việc giải quyết tất cả những vấn đề pháp luật quan trọng khác, trong đó có trong lĩnh vực xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật tùy thuộc trực tiếp vào việc trả lời các vấn đề đó. Pháp luật cũng là vấn đề của triết học, bởi pháp luật gắn liền với sự tồn tại của nhân loại.

Do tính phức tạp của chính cơ cấu pháp luật mà vấn đề cơ bản của triết học pháp luật có thể được giải quyết thông qua việc giải quyết nhiều nhiệm vụ quan trọng, cơ bản, hoặc những vấn đề cơ bản của triết học pháp luật. Đó là:

1. Vấn đề về nền tảng của công bằng và các tiêu chuẩn của nó (nhiệm vụ mà trong phạm vi của nó pháp luật có mối quan hệ với đạo đức) - đó là vấn đề trung tâm trong triết học pháp luật, và dưới dạng truyền thống nó được nhìn nhận như vấn đề về luận giải “pháp luật tự nhiên”;

2. Vấn đề về hiệu lực bắt buộc của pháp luật, hoặc là vấn đề vì sao con người cần phải tuân thủ (phục tùng) pháp luật (nhiệm vụ mà trong phạm vi của nó mối tương quan của pháp luật và quyền lực được xác định);

3. Vấn đề về bản chất và các chức năng của pháp luật thực chứng (nhiệm vụ mà trong phạm vi của nó tính chất của quy phạm pháp luật được làm sáng tỏ) gắn liền chặt chẽ với việc giải quyết hai vấn đề đã nói ở trên, nó biện minh cho pháp luật thực chứng.

Việc giải quyết những nhiệm vụ cơ bản

đó hoặc những vấn đề cơ bản của triết học pháp luật cho phép bảo đảm tính chính thống hóa và giới hạn của pháp luật, tức là luận giải về sự cần thiết của pháp luật đối với con người, xác định các giới hạn mà pháp luật không thể vượt qua.

3. Các chức năng của triết học pháp luật

Như mọi môn học triết học khác, triết học pháp luật có một số chức năng đặc trưng của mình. Các chức năng quan trọng nhất trong số đó là: chức năng thế giới quan; chức năng phương pháp luận; chức năng phản ánh thông tin; chức năng giá trị; chức năng giáo dục.

Chức năng thế giới quan của triết học pháp luật thể hiện ở việc hình thành ở con người quan điểm chung về thế giới pháp luật, hiện thực pháp luật với tư cách là một trong những phương thức tồn tại của nhân loại; ở một mức độ nhất định, chức năng này giải quyết những vấn đề về bản chất và vị trí của pháp luật trong thế giới, các giá trị và tầm quan trọng của nó trong đời sống con người và xã hội nói chung, hoặc nói cách khác hình thành nên thế giới quan pháp luật của con người.

Chức năng phương pháp luận của triết học pháp luật được thể hiện trong việc hình thành những mô hình nhận thức nhất định về pháp luật, những mô hình đó tạo điều kiện cho sự phát triển các nghiên cứu pháp lý. Với mục đích đó, triết học pháp luật xây dựng các phương pháp và các phạm trù mà dựa vào đó, các nghiên cứu pháp lý cụ thể được thực hiện. Sự thể hiện tập trung nhất của chức năng phương pháp luận của triết học pháp luật là hình thành nên nhận thức về pháp luật

dưới dạng phương thức tư duy về nó với tư cách là một cấu trúc ý nghĩa - nội dung - cấu trúc luận giải các tư tưởng cơ bản của pháp luật.

Chức năng phản ánh - thông tin bảo đảm việc phản ánh thích hợp về pháp luật với tư cách là khách thể đặc trưng, việc làm sáng tỏ các yếu tố cơ bản, các mối liên hệ cấu trúc, các tính quy luật của nó. Sự phản ánh đó được tổng hợp lại trong bức tranh của hiện thực pháp luật hoặc “trong hình thức của pháp luật”.

Chức năng giá trị của triết học pháp luật được thể hiện ở việc xây dựng các quan niệm về các giá trị pháp luật như: tự do, bình đẳng, công bằng, cũng như các quan niệm về tư tưởng pháp luật và giải thích hiện thực pháp luật từ các quan điểm của tư tưởng đó, phê phán cơ cấu và trạng thái của nó.

Chức năng giáo dục của triết học pháp luật được thực hiện trong quá trình hình thành ý thức pháp luật và tư duy pháp lý, thông qua việc xây dựng các mục đích pháp luật riêng, trong đó có thuộc tính quan trọng là định hướng đến sự công bằng và sự tôn trọng pháp luật của cá nhân.

Kết luận

1. Sự nhận thức triết học về pháp luật là nhiệm vụ của môn học lý luận đặc biệt - triết học pháp luật, môn học có đối tượng nghiên cứu làm sáng tỏ ý nghĩa của pháp luật, cũng như luận giải sự nhận thức về ý nghĩa đó, có những phạm trù cơ bản của mình là tư tưởng, ý nghĩa, mục đích của pháp luật, công bằng, tự do, bình đẳng, sự thừa nhận, tính tự trị của cá nhân, quyền con người và các phạm trù khác.

2. Triết học pháp luật có cơ cấu phức

tạp, bao gồm: bản thể luận pháp luật, nhận thức luận pháp luật, giá trị luận pháp luật, hiện tượng học pháp luật, nhân học pháp luật, triết học pháp luật ứng dụng và những bộ phận khác.

3. Theo địa vị của mình, triết học pháp luật là môn học tổng hợp, giáp ranh giữa triết học và luật học và trong phạm vi của luật học, triết học pháp luật có mối liên hệ chặt chẽ với lý luận pháp luật và xã hội học pháp luật.

4. Các chức năng của triết học pháp luật thể hiện ở chức năng thế giới quan, chức năng phương pháp luận, chức năng phản ánh - thông tin, chức năng giá trị, chức năng giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Khánh Vinh. *Lợi ích xã hội và pháp luật*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, 224 trang.
2. Võ Khánh Vinh. *Xã hội học pháp luật: những vấn đề cơ bản*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, 576 trang.
3. Alekseev S.S. *Triết học pháp luật*. M; 1997, tr. 10-46.
4. Bachinin V.A. *Triết học pháp luật và tội phạm* - Karkov. tr. 179-188.
5. Garnik A.V. *Vấn đề về vị trí môn học của triết học pháp luật/ Triết học và xã hội học trong bối cảnh văn hóa hiện nay*. Dnepropetrovsk, 1988, tr. 186.
6. Kerimov d.A. *Phương pháp luận pháp luật (đối tượng, chức năng, những vấn đề triết học pháp luật)*. M; 2000, tr. 6-15.
7. Nersesjanx V.S. *Triết học pháp luật*. M; 1997, tr. 8-16.
8. Tiskhonravov Ju.V. *Những cơ sở của triết học pháp luật*. M; 1997, tr. 11-46.